

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0106259517

Đăng ký lần đầu: ngày 08 tháng 08 năm 2013

Đăng ký thay đổi lần thứ: 5, ngày 24 tháng 08 năm 2022

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH CÔNG TSC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TSC THANH CONG JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TSC THANH CONG., JSC

2. Địa chỉ trụ sở chính

LK- 03.5, Khu nhà ở Hateco 5, Ngõ 56 đường Phương Canh, Phường Xuân Phương, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.33509206

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 12.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Mười hai tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 1.200.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN ĐỨC SƠN

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 24/02/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 013279736

Ngày cấp: 01/04/2010

Nơi cấp: Công an Hà Nội

Địa chỉ thường trú: P508 B15 khu đô thị Đại Kim, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 21C, gác 30 Láng Trung, ngõ 107 Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 884 Quyền số: 02 SGT/BS

Ngày: 16-02-2023



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

TU. CHỦ TỊCH
CÔNG CHỨC TƯ PHÁP HỢ TỊCH

Dương Đức Tài

BẢN SAO

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ

Số: 29121000268

Chứng nhận lần đầu: Ngày 10 tháng 10 năm 2014

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29/11/2005 và Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Xét Bản đề nghị cấp Giấy Chứng nhận đầu tư ngày 30/9/2014 và hồ sơ dự án kèm theo của Công ty Cổ phần TASCOT Thành Công;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch & Đầu tư tại Công văn số 1429/KHĐT-KTTTTN, ngày 13/10/2014,

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Chứng nhận: CÔNG TY CỔ PHẦN TASCOT THÀNH CÔNG

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 4, Tòa nhà M5, 91 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, TP. Hà Nội.

Điện thoại : 04.37739962

Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106259517 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 08/8/2013.

Người đại diện theo pháp luật của công ty: Ông Phạm Văn Lương

Chức danh: Tổng Giám đốc

Sinh ngày: 05/9/1957; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam.

Chứng minh nhân dân số: 162057066 do Công an tỉnh Nam Định cấp ngày 28/12/2007.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 22 Tô Hiệu, phường Ngô Quyền, TP. Nam Định, tỉnh Nam Định.

Chỗ ở hiện tại: P204, Nhà A7, Khu TT Đường sắt, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, TP. Hà Nội.

Thực hiện dự án đầu tư với nội dung sau:

Điều 1. Tên dự án: Khai thác, chế biến đá làm vật liệu xây dựng thông thường

Điều 2. Mục tiêu và quy mô của dự án:

- Khai thác và chế biến đá đáp ứng nhu cầu nguyên liệu xây dựng cho thị trường trong tỉnh. ✓



0A2 KHAI

- Sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên sẵn có tại địa phương và tạo việc làm cho người lao động, góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương.
- Quy mô khai thác: 80.000 m³/năm (năm đầu tiên) 10.000 m³/năm (năm tiếp theo)

Điều 3. Địa điểm thực hiện dự án: Lèn Thanh Thủy, xã Tiến Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình. Diện tích đất sử dụng: Theo quyết định cho thuê đất của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 4. Tổng vốn đầu tư: 6.000.000.000 đồng (Sáu tỷ đồng)
 Trong đó : Vốn doanh nghiệp: 3.000.000.000 đồng
 Vốn huy động : 3.000.000.000 đồng

Điều 5. Thời hạn hoạt động: 21 năm

Điều 6. Tiến độ thực hiện dự án: Dự án hoàn thành và đi vào hoạt động từ quý I/2015.

Nếu vì lý do chủ quan của nhà đầu tư, nhà đầu tư không triển khai hoặc thực hiện chậm tiến độ đã đăng ký, thực hiện không đúng nội dung dự án đăng ký thì Giấy Chứng nhận đầu tư sẽ bị thu hồi theo quy định và không được bồi thường kinh phí.

Điều 7. Các điều khoản khác:

- Khi chủ đầu tư chuyển nhượng dự án hoặc thay đổi chủ đầu tư phải được sự chấp thuận của UBND tỉnh.
- Dự án sẽ chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 65 Luật Đầu tư, Điều 68 Nghị định 108/2006/NĐ-CP hoặc của pháp luật có liên quan nếu nhà đầu tư không thực hiện đúng cam kết và các quy định của pháp luật.
- Nhà đầu tư thực hiện chế độ báo cáo về tình hình triển khai, thực hiện dự án cho cấp thẩm quyền theo yêu cầu đúng quy định.
- Nhà đầu tư không triển khai dự án hoặc thực hiện dự án chậm tiến độ sẽ bị thu hồi dự án theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 và Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Điều 8. Giấy Chứng nhận đầu tư được lập thành 02 (hai) bản gốc; nhà đầu tư được cấp 01 bản và 01 bản lưu tại Văn phòng UBND tỉnh Quảng Bình.

Nơi nhận:
 - Các Bộ: KHĐT, TNMT;
 - Sở KHĐT.

UBND PHƯƠNG HẢI ĐỊNH
 CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
 ỦY BAN NHÂN DÂN

Ngày: 22-10-2014
 Số: 10778... Quyền số: 04... SGYBS



CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Hoài

Nguyễn Thị Cảnh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 25/9/QĐ-UBND

Quảng Bình, ngày 22 tháng 9 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt trữ lượng đá vôi trong “Báo cáo kết quả thăm dò mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại Lèn Thanh Thủy, xã Tiến Hóa, huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình” do Công ty Cổ phần TASCOT Thành Công làm chủ đầu tư (Trữ lượng tính đến ngày 05 tháng 9 năm 2014)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/3/2003;
- Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;
- Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản;
- Căn cứ Quyết định số 06/2006/QĐ-BTNMT ngày 07/6/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn;
- Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số 2084/GP-UBND ngày 01/8/2014 của UBND tỉnh cấp cho Công ty Cổ phần TASCOT Thành Công;
- Xét Biên bản của Hội đồng Thẩm định Báo cáo kết quả thăm dò và xét duyệt trữ lượng mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại Lèn Thanh Thủy, xã Tiến Hóa, huyện Tuyên Hóa tại phiên họp ngày 05 tháng 9 năm 2014;
- Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 779/TTr-TNMT ngày 11 tháng 9 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt trữ lượng đá vôi trong “Báo cáo kết quả thăm dò mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại Lèn Thanh Thủy, xã Tiến Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình” do Công ty Cổ phần TASCOT Thành Công làm chủ đầu tư như sau:

- Tổng trữ lượng cấp 121 + 122: 449.316 m³;
- Trong đó: Cấp 121: 384.791 m³;
- Cấp 122: 64.525 m³.

Điều 2. Các tài liệu của Báo cáo được sử dụng để lập Báo cáo nghiên cứu khả thi về khai thác và giao nộp lưu trữ địa chất tại Trung tâm Thông tin Tài nguyên Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

Trong quá trình khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản cần tuân thủ các ý kiến kết luận của Hội đồng đánh giá trữ lượng.

04/2/14

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Chủ tịch UBND huyện Tuyên Hoá, Chủ tịch UBND xã Tiến Hoá và Giám đốc Công ty Cổ phần TASCOT Thành Công chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

- Nơi nhận:
- Như Điều 3;
 - Trung tâm TT TNMT;
 - Lưu: VT, CVTNMT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

UBND PHƯỜNG HẢI LÂM
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG

Ngày: 26-01-2015

Số: 73 Quyển số: 1



Nguyễn Xuân Quang



Võ Quốc Thịnh

BẢN SAO

BẢNG THỐNG KÊ KẾT QUẢ ĐO ĐẠC

(Kèm theo chính lý địa chính tờ BDDC số: 48)

Địa điểm: Xã Tiên Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình

TÊN CÔNG TRÌNH: MỎ KHAI THÁC, BÀI CHÈ BIÊN ĐÁ VỚI LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG VÀ ĐƯỜNG VẬN CHUYỂN TẠI MỎ ĐÁ LÊN THANH THUY

Tên chủ sử dụng, quản lý đất	Đối tượng sử dụng quản lý	Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Hiện trạng sử dụng đất		Giấy tờ pháp lý về QSD đất		Ghi chú		
				Diện tích (m ²)	Loại đất	Diện tích (m ²)	Loại đất	Diện tích trong phạm vi quy hoạch	Diện tích ngoài phạm vi QH bị ảnh hưởng	Loại đất theo quy hoạch
UBND xã Tiên Hoá:										
UBND xã Tiên Hoá:	UBQ	48	1082(1)	15.002	NCS			15.002		
	UBQ	48	1082(2)	15.426	NCS			15.426		
Tổng				30.428				30.428		

ng diện tích khu đo: 30.428 m²

Tổng diện tích UBND xã Tiên Hoá quản lý thuộc phạm vi quy hoạch: 30.428 m²

Đất núi đá chưa sử dụng (NCS): 30.428 m²

Ngày 10 tháng 10 năm 2014
VĂN PHÒNG ĐKQSD ĐẤT

GIÁM ĐỐC


Đinh Tiên Dũng

Ngày 13 tháng 10 năm 2014

T.M UBND XÃ TIÊN HÓA
CHỦ TỊCH


Cao Văn Trúc

Ngày 13 tháng 10 năm 2014

Duyệt

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC




Hoàng Quốc Việt

Số: 2724/QĐ-UBND

Tuyên Hoá, ngày 10 tháng 10 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt quy hoạch chi tiết khu đất mỏ khai thác, bãi chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường và đường vận chuyển tại mỏ đá Lèn Thanh Thủy, xã Tiến Hóa, huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình.

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TUYÊN HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 14/2014/NQ-HĐND ngày 24/9/2014 của HĐND xã Tiến Hóa Khóa XIX, kỳ họp thứ 12 (kỳ họp bất thường), nhiệm kỳ 2011 - 2016 về việc thông qua bổ sung quy hoạch, kế hoạch chuyển đổi mục đích sử dụng đất năm 2014;

Xét Tờ trình số 115/TTr-UBND ngày 29/9/2014 của Ủy ban nhân dân xã Tiến Hóa về việc đề nghị phê duyệt quy hoạch chi tiết khu đất bãi tập kết cát làm vật liệu xây dựng thông thường khu vực Đồng Biển; Cảng thủy nội địa Đức Toàn; Mỏ khai thác, bãi khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại lèn Thanh Thủy; Mỏ khai thác, bãi chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường và đường vận chuyển tại mỏ đá lèn Thanh Thủy, xã Tiến Hóa, huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình;

Xét đề nghị của phòng Tài nguyên và Môi trường huyện tại Tờ trình số 275/TTr-TNMT ngày 03/10/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch chi tiết khu đất mỏ khai thác, bãi chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường và đường vận chuyển tại mỏ đá lèn Thanh Thủy, xã Tiến Hóa, huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình với những nội dung chủ yếu sau:

1. Địa điểm quy hoạch: Tại khu vực Lèn Thanh Thủy xã Tiến Hóa, huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình.

* Vị trí, ranh giới khu đất quy hoạch được xác định theo bản đồ quy hoạch tỷ lệ 1/2.000 kèm theo.

2. **Tổng diện tích quy hoạch:** 30.428 m² (Ba mươi ngàn, bốn trăm hai mươi tám mét vuông), trong đó: Khu mỏ khai thác 15.002 m²; Bãi chế biến và đường vận chuyển 15.426 m².

3. **Sử dụng từ loại đất:** Đất núi đá chưa sử dụng (NCS) do UBND xã Tiến Hoá quản lý.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1071/QĐ-UBND ngày 10/8/2006 của Ủy ban nhân dân huyện Tuyên Hoá về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết khu đất khai thác, chế biến khoáng sản mỏ đá vôi xây dựng tại lèn Thanh Thủy, xã Tiến Hoá, huyện Tuyên Hoá.

Căn cứ quy hoạch đã được phê duyệt, Ủy ban nhân dân xã Tiến Hoá có trách nhiệm:

- Công bố công khai quy hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

- Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện quy hoạch sử dụng đất.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện, Trưởng phòng TN&MT, Chủ tịch UBND xã Tiến Hóa, Thủ trưởng các cơ quan, ban ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Ed*

Nơi nhận:

- Thường vụ Huyện ủy (B/c);
- Thường trực HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Sở TN&MT;
- Như điều 3;
- Lưu VP.



Hoàng Minh Đề

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH CHI TIẾT SỬ DỤNG ĐẤT

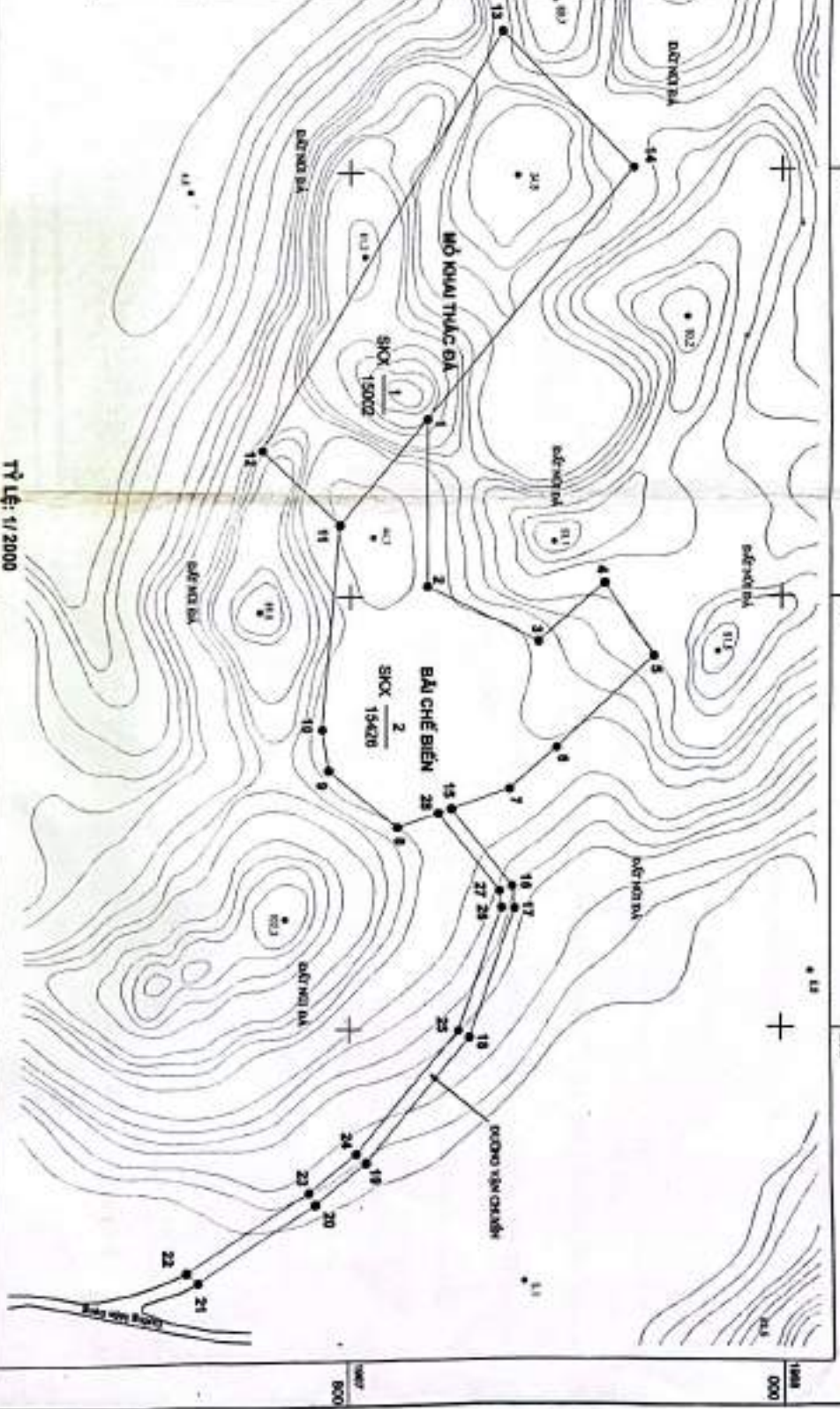
KHU ĐẤT MỎ KHAI THÁC, BÀI CHẾ BIẾN ĐÁ VỚI LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG VÀ ĐƯỜNG VẬN CHUYỂN TẠI MỎ ĐÁ LÊN THANH THỦY, XÃ TIỀN HÒA

(Kèm theo Quyết định phê duyệt quy hoạch số: 2724/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2014 của UBND huyện Tuyên Hóa)

Địa điểm: Xã Tiến Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình

BẢNG KÊ TỌA ĐỘ CÁC ĐIỂM CƠ BẢN (HỆ TỌA ĐỘ VN - 2000)

STT/ĐIỂM	X (m)	Y (m)	KC (m)
1	1907836,00	525153,35	79,66
2	1907836,00	525153,00	57,00
3	1907872,12	525202,76	41,07
4	1907918,23	525252,51	40,71
5	1907964,30	525302,26	61,82
6	1907964,30	525302,00	29,07
7	1907974,00	525309,00	28,50
8	1907974,00	525309,32	45,40
9	1907974,00	525309,32	10,27
10	1907974,00	525309,32	20,81
11	1907974,00	525309,32	20,81
12	1907974,00	525309,32	20,81
13	1907974,00	525309,32	20,81
14	1907974,00	525309,32	20,81
15	1907974,00	525309,32	20,81
16	1907974,00	525309,32	20,81
17	1907974,00	525309,32	20,81
18	1907974,00	525309,32	20,81
19	1907974,00	525309,32	20,81
20	1907974,00	525309,32	20,81
21	1907974,00	525309,32	20,81
22	1907974,00	525309,32	20,81
23	1907974,00	525309,32	20,81
24	1907974,00	525309,32	20,81
25	1907974,00	525309,32	20,81
26	1907974,00	525309,32	20,81
27	1907974,00	525309,32	20,81
28	1907974,00	525309,32	20,81
29	1907974,00	525309,32	20,81
30	1907974,00	525309,32	20,81
31	1907974,00	525309,32	20,81
32	1907974,00	525309,32	20,81
33	1907974,00	525309,32	20,81
34	1907974,00	525309,32	20,81
35	1907974,00	525309,32	20,81
36	1907974,00	525309,32	20,81
37	1907974,00	525309,32	20,81
38	1907974,00	525309,32	20,81
39	1907974,00	525309,32	20,81
40	1907974,00	525309,32	20,81
41	1907974,00	525309,32	20,81
42	1907974,00	525309,32	20,81
43	1907974,00	525309,32	20,81
44	1907974,00	525309,32	20,81
45	1907974,00	525309,32	20,81
46	1907974,00	525309,32	20,81
47	1907974,00	525309,32	20,81
48	1907974,00	525309,32	20,81
49	1907974,00	525309,32	20,81
50	1907974,00	525309,32	20,81



TỶ LỆ: 1/2000

Ngày 03 tháng 10 năm 2014

Ngày 06 tháng 10 năm 2014

Ngày 07 tháng 10 năm 2014

Ngày 10 tháng 10 năm 2014

PHẠM THẠNH NGUYỄN

CHỦ TỊCH

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH

PHẠM THẠNH NGUYỄN

CHỦ TỊCH

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

Số: **3421/QĐ-UBND**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Bình, ngày 26 tháng 11 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Đề án cải tạo, phục hồi môi trường của dự án: Khai thác và chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại Lèn Thanh Thủy, xã Tiến Hóa, huyện Tuyên Hóa của Công ty Cổ phần Tasco Thành Công

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ Quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định 18/2013/QĐ-TTg ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 34/2009/TT-BTNMT ngày 31/12/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về lập, phê duyệt, kiểm tra xác nhận dự án cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường với hoạt động khai thác khoáng sản;

Xét Biên bản của Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Đề án cải tạo, phục hồi môi trường của dự án: Khai thác và chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại Lèn Thanh Thủy, xã Tiến Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình của Công ty Cổ phần Tasco Thành Công, họp ngày 13 tháng 11 năm 2014;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Đề án cải tạo, phục hồi môi trường của dự án: Khai thác và chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại Lèn Thanh Thủy, xã Tiến Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình đã được chỉnh sửa, bổ sung kèm theo văn bản giải trình số 40/TASCO.TC gày 20 tháng 11 năm 2014 của Công ty Cổ phần Tasco Thành Công;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số: 1826/TNMT-CCMT ngày 25 tháng 11 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án: Khai

xã Tiến Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình của Công ty Cổ phần Tasco Thành Công (sau đây gọi là chủ dự án) với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Phạm vi, quy mô của dự án:

- Vị trí dự án: Tại Lèn Thanh Thủy, xã Tiến Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình.

- Tổng diện tích dự án: 30.428 m², trong đó: Diện tích khu mỏ 15.002 m² và diện tích xây dựng các hạng mục công trình phụ trợ 15.426 m².

- Tổng trữ lượng mỏ cấp 121+122: 449.316 m³. Trong đó, trữ lượng khai thác 274.721 m³.

- Công suất khai thác: Năm thứ nhất 80.000 m³/năm, từ năm thứ 2 trở đi 10.000 m³/năm.

- Phương thức khai thác: Nổ mìn phá đá.

- Cốt sau khi kết thúc khai thác: +20 m.

- Thời gian tồn tại của mỏ: 21 năm, trong đó: Thời gian khai thác mỏ 20,5 năm; thời gian đóng cửa mỏ và phục hồi môi trường 0,5 năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án:

2.1. Các yêu cầu về thiết kế, xây dựng và hoạt động của dự án phải tuân theo Luật Bảo vệ môi trường, Luật Khoáng sản và các quy định pháp luật khác có liên quan đến hoạt động của dự án. Hoàn thiện hồ sơ thiết kế khai thác mỏ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi tiến hành hoạt động khai thác mỏ.

2.2. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường như đã cam kết để giảm thiểu tối đa ô nhiễm bụi, tiếng ồn, nước mưa chảy tràn, dầu mỡ, chất thải rắn, nước thải... nhằm đảm bảo các hoạt động của mỏ không gây ảnh hưởng đến chất lượng môi trường và cộng đồng dân cư xung quanh.

2.3. Tính toán, lựa chọn biện pháp khai thác, vị trí khai trường, áp dụng các thông số kỹ thuật hợp lý trong hệ thống khai thác mỏ và biện pháp phòng chống sự cố nhằm đảm bảo an toàn cho người, thiết bị, các công trình khai thác mỏ và môi trường xung quanh trong quá trình hoạt động của mỏ.

2.4. Tổ chức khai thác theo đúng tọa độ, diện tích, trữ lượng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép. Quá trình khai thác, chế biến và sử dụng vật liệu nổ trong khai thác đá phải tuân thủ QCVN số 05:2012/BLĐTBXH - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động trong khai thác và chế biến đá, QCVN số 04:2009/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên và QCVN số 02:2008/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong bảo quản, vận chuyển, sử dụng và tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và các quy định khác có liên quan đến việc sử dụng vật liệu nổ.

2.5. Trong quá trình nổ mìn phá đá không để đá văng vào khu vực dân cư, có biện pháp đảm bảo an toàn cho công nhân lao động. Việc sử dụng đường kính lỗ khoan nổ mìn, lượng thuốc nổ sử dụng cho một lần nổ, phương pháp nổ phải được tính toán phù hợp và phải tuân thủ theo giấy phép do Sở Công Thương cấp. Trường hợp để xảy ra sự cố, chủ dự án phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho người dân bị ảnh hưởng.

hân Tasco

2.6. Tổ chức quan trắc có hệ thống các thông số cơ lý của đất đá tại các khu vực sườn tầng và bờ moong khai thác để có giải pháp xử lý kịp thời, nhằm ngăn ngừa các sự cố trượt lở đất đá, đặc biệt chú trọng đến các khối đá mỏ côi nằm ở sườn núi phía Nam Tây Nam khu mỏ. Khi phát hiện dấu hiệu có khả năng xảy ra sự cố, chủ dự án phải ngừng ngay các hoạt động khai thác, khẩn trương đưa người và thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm, chủ động khắc phục, đồng thời báo cho cơ quan có thẩm quyền để phối hợp xử lý.

2.7. Trong quá trình thực hiện, chủ dự án phải phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương để đảm bảo an ninh trật tự, an toàn lao động, phòng chống cháy, nổ và các quy định khác có liên quan.

2.8. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài chính đối với khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật hiện hành; đảo đảm kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường như đã nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

2.9. Niêm yết công khai tại địa điểm thực hiện dự án về các loại chất thải, công nghệ xử lý, thông số tiêu chuẩn về chất thải, các giải pháp bảo vệ môi trường để cộng đồng dân cư biết, kiểm tra và giám sát.

2.10. Báo cáo UBND huyện Tuyên Hóa về nội dung Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án. Lập và niêm yết bản tóm tắt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại trụ sở UBND xã Tiến Hóa (địa bàn thực hiện dự án).

2.11. Thực hiện chương trình giám sát môi trường như trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt; cập nhật, lưu giữ số liệu và định kỳ báo cáo cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường.

2.12. Chủ dự án phải lập lại Báo cáo đánh giá tác động môi trường trong các trường hợp sau đây:

a) Thay đổi địa điểm thực hiện dự án;

b) Không triển khai thực hiện dự án trong thời gian ba mươi sáu (36) tháng, kể từ thời điểm ban hành quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường;

c) Thay đổi quy mô, công suất hoặc công nghệ làm gia tăng mức độ tác động xấu đến môi trường hoặc phạm vi chịu tác động do những thay đổi này gây ra.

Điều 2. Phê duyệt nội dung Đề án cải tạo, phục hồi môi trường của dự án: Khai thác và chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại Lèn Thanh Thủy, xã Tiến Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình của Công ty Cổ phần Tasco Thành Công với một số nội dung cụ thể sau:

1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác:

- Khu mỏ khai thác: San gạt mặt bằng đáy mỏ, xử lý đáy mỏ bằng đất sét và bentonite để làm hồ chứa nước, làm hàng rào dây kẽm gai và biển cảnh báo nguy hiểm bao quanh biên giới moong khai thác.

- Khu vực phụ trợ và kho mìn: Sau khi kết thúc khai thác tháo dỡ công trình và trồng cây xanh.

- Khu bãi chế biến, thành phẩm: Di dời máy móc thiết bị, hoàn trả mặt bằng cho đất đai môi trường.

- Các tuyến đường giao thông phục vụ khai thác, hệ thống mương thu nước: Giữ lại để phục vụ cho công tác phục hồi môi trường và bàn giao lại cho địa phương quản lý, sử dụng.

2. Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là: 647.709.886 đồng.

Bằng chữ: Sáu trăm bốn mươi bảy triệu bảy trăm linh chín nghìn tám trăm tám mươi sáu đồng.

Số tiền trên chưa tính đến yếu tố trượt giá.

3. Tiến độ ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường:

Số lần ký quỹ 21 lần, cụ thể:

- + Lần thứ 1 (Năm thứ nhất), số tiền: 97.156.483 đồng; thời điểm ký quỹ trước khi bắt đầu tiến hành hoạt động khai thác khoáng sản 30 (ba mươi) ngày;
- + Lần thứ 2 đến lần thứ 21 (Từ năm thứ 02 đến năm thứ 21), số tiền: 28.233.508 đồng/lần; thời điểm ký quỹ trước ngày 31 tháng 01 của năm tiếp theo.

4. Đơn vị nhận ký quỹ: Chi nhánh Ngân hàng Phát triển tỉnh Quảng Bình.

5. Các yêu cầu kèm theo:

5.1. Thực hiện việc ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định tại Quyết định 18/2013/QĐ-TTg ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản.

5.2. Sau khi kết thúc khai thác phải tiến hành ngay việc hoàn trả mặt bằng và trồng cây xanh; việc trồng cây phải được tiến hành vào mùa mưa để đảm bảo tỷ lệ sống của cây trồng.

5.3. Sau khi đã hoàn thành việc cải tạo, phục hồi môi trường, chủ dự án có trách nhiệm lập hồ sơ gửi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Đề án cải tạo phục hồi môi trường để nghị xác nhận việc hoàn thành các nội dung cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định tại Quyết định 18/2013/QĐ-TTg ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Chủ dự án phải lập, phê duyệt và niêm yết công khai kế hoạch quản lý môi trường của dự án; nghiêm túc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư và giai đoạn thi công xây dựng dự án; lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án gửi cơ quan có thẩm quyền để kiểm tra, xác nhận trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức theo quy định tại Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường.

Điều 4. Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với các khoản 1 và 2 Điều 1, khoản 1 Điều 2 của Quyết định này, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của UBND tỉnh.

Điều 5. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để quyết định việc đầu tư dự án; là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 6. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với UBND huyện Tuyên Hóa và UBND xã Tiến Hóa thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 7. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan; Chủ tịch UBND huyện Tuyên Hóa, Chủ tịch UBND xã Tiến Hóa và Giám đốc Công ty Cổ phần Tasco Thành Công chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. ✓

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Ngân hàng PT Quảng Bình;
- Lưu: VT, CVTNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Hoài

Số: 332 /QĐ-UBND

Quảng Bình, ngày 06 tháng 02 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản mỏ đá vôi
làm VLXD thông thường tại Lèn Thanh Thủy, xã Tiến Hóa, huyện Tuyên Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2013 của UBND tỉnh Quảng Bình ban hành bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 2569/QĐ-UBND ngày 22/9/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt trữ lượng đá vôi trong "Báo cáo kết quả thăm dò mỏ đá vôi làm VLXD thông thường tại Lèn Thanh Thủy, xã Tiến Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình";

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 100/TTr-TNMT ngày 30 tháng 01 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá trị tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với mỏ đá vôi làm VLXD thông thường tại Lèn Thanh Thủy, xã Tiến Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình.

a) Tổ chức nộp tiền: Công ty Cổ phần TASCÓ Thành Công.

Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà M5, 91 Nguyễn Chí Thanh, phường Làng Hạ, Quận Đống Đa, TP Hà Nội.

Mã số thuế: 0106259517.

b) Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tại thời điểm lần đầu (1) 100.000 đồng/m³ (Tính trung bình cộng của giá các loại: Đá hộc dùng trong xây dựng, đá xây các loại dùng trong xây dựng, đá Base loại 1, đá Base loại 2) ✓

c) Tổng số tiền phải nộp tính theo giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tại thời điểm phê duyệt: **1.455.783.840 đồng** (Một tỷ bốn trăm năm mươi lăm triệu bảy trăm tám mươi ba ngàn tám trăm bốn mươi đồng).


d) Tổng số lần nộp: 11 (mười một) lần.

đ) Số tiền nộp hàng năm (T_{hm}): 138.646.080 đồng. Trong đó:

- Số tiền nộp lần đầu (trước khi cấp phép khai thác) là: 138.646.080 đồng.
- Số tiền nộp từ năm thứ hai trở đi (trước ngày 31 tháng 3 các năm tiếp theo) bằng số tiền nộp hàng năm (T_{hm}) nhân với tỷ số chênh lệch giữa giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo năm đó so với giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản lần đầu.

Điều 2. Công ty Cổ phần TASCOT Thành Công có trách nhiệm nộp tiền theo đúng quy định tại Điều 1 Quyết định này và theo Thông báo của Cục Thuế tỉnh Quảng Bình.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Cục trưởng Cục Thuế; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan; Giám đốc Công ty Cổ phần TASCOT Thành Công chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND huyện Tuyên Hóa;
- Lưu: VT, CVTNMT.


CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Hoài

Mẫu số 04

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 21 /HĐTD

Quảng Bình, ngày 06 tháng 5 năm 2015

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 702/QĐ-UBND ngày 18/3/2015 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc cho Công ty Cổ phần TASCOTRADING THÀNH CÔNG thuê đất để khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường và làm bãi chôn biển, đường vận chuyển vật liệu tại lèn Thanh Thủy, xã Tiến Hóa, huyện Tuyên Hóa;

Hôm nay, ngày 06 tháng 5 năm 2015, tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình, chúng tôi gồm:

I. BÊN CHO THUÊ ĐẤT LÀ UBND TỈNH QUẢNG BÌNH - SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Đo ông: **HOÀNG QUỐC VIỆT**

Chức vụ: Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường làm đại diện.

Trụ sở công tại: 105 đường Hữu Nghị, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Điện thoại: 052.3823810

II. BÊN THUÊ ĐẤT LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN TASCOTRADING THÀNH CÔNG

Đo ông: **PHẠM VĂN LƯƠNG**

Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Trụ sở công tại: Tầng 4, nhà M5, 91 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 04. 3773.9962

Mã số thuế: 0106259517

III. HAI BÊN THỎA THUẬN KÝ HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT VỚI CÁC ĐIỀU KHOẢN SAU ĐÂY:

Điều 1. Bên cho thuê đất cho Bên thuê đất thuê khu đất như sau:

1. Diện tích đất thuê: 30.428,0 m² (Ba mươi ngàn, bốn trăm hai mươi tám mét vuông) đất tại xã Tiến Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình.

2. Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo chính lý địa chính, thửa đất 1090, 1091, thuộc Tờ bản đồ số 48, tỷ lệ 1/2.000, xã Tiến Hóa do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Tuyên Hóa lập ngày ngày 10/10/ 2014, Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 13/10/2014. *mb*

Điều 7. Hai bên cam kết thực hiện đúng quy định của Hợp đồng này, nếu Bên nào không thực hiện thì phải bồi thường cho việc vi phạm hợp đồng gây ra theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Hợp đồng này được lập thành 05 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên thuê đất giữ 01 bản, bên cho thuê đất giữ 01 bản, 01 bản gửi đến cơ quan thuế, 01 bản gửi Kho bạc Nhà nước nơi thu tiền thuê đất và 01 bản lưu hồ sơ thuê đất.

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký./.



Phạm Văn Lương

BÊN CHO THUÊ ĐẤT



Hoàng Quốc Việt



Phan Xuân Lâm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản
số 404/GP-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2015 của UBND tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị quyết số 60/NQ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về việc áp dụng cơ chế đặc thù trong cấp phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường cung cấp cho Dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2017 - 2020 (đã khởi công và sắp khởi công);

Căn cứ Nghị quyết số 133/NQ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 60/NQ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2021 về áp dụng cơ chế đặc thù trong cấp phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường cung cấp cho Dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2017 - 2020 (đã khởi công và sắp khởi công);

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11 tháng 02 năm 2022 của Chính phủ triển khai Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT - BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số 404/GP-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2015 của UBND tỉnh cho phép Công ty cổ phần Tasco Thành Công khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại Lèn Thanh Thùy, xã Tiến Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 79/GP-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình về việc điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản số 404/GP-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2015;

Xét Đơn và hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản của Công ty cổ phần Thành Công TSC ngày 07 tháng 11 năm 2023 nộp tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1056/TTr-STNMT ngày 08 tháng 12 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản số 404/GP-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2015 của UBND tỉnh cấp cho Công ty cổ phần Thành Công TSC (tên trước đây là Công ty cổ phần Tasco Thành Công) khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại Lèn Thanh Thủy, xã Tiên Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình với nội dung cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh công suất khai thác:

- Nội dung đã cấp phép: Công suất khai thác: 80.000 m³/năm đối với năm khai thác đầu tiên; 10.000 m³/năm đối với các năm khai thác còn lại.

- Nội dung điều chỉnh lại như sau: Công suất khai thác từ năm 2023 đến năm 2025: 15.000 m³/năm; từ năm 2026 đến ngày 11 tháng 8 năm 2034 là: 10.000m³/năm.

2. Điều chỉnh thời gian khai thác:

- Thời hạn khai thác đã được phê duyệt: 21 năm kể từ ngày ký giấy phép.

- Thời hạn khai thác điều chỉnh lại như sau: Đến ngày 11 tháng 8 năm 2034.

*. Lý do điều chỉnh: Điều chỉnh nâng công suất khai thác để cung cấp đá làm vật liệu xây dựng thông thường cho Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam phục vụ thi công gói thầu XL01 - Dự án thành phần đoạn Vũng Áng - Bùng, thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 -2025, đoạn đi qua địa phận tỉnh Quảng Bình theo cơ chế đặc thù quy định tại Nghị quyết số 60/NQ-CP ngày 16 tháng 06 năm 2021, Nghị quyết số 133/NQ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2021 và Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11 tháng 02 năm 2022 của Chính phủ.

Điều 2. Đơn vị sử dụng khoáng sản là Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam để thi công gói thầu XL01 - Dự án thành phần đoạn Vũng Áng - Bùng thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025, đoạn đi qua địa phận tỉnh Quảng Bình.

Điều 3. Công ty cổ phần Thành Công TSC có trách nhiệm:

1. Nộp các khoản thuế, phí, lệ phí có liên quan theo quy định hiện hành của pháp luật.

2. Tiếp tục khai thác khoáng sản, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế, phí, lệ phí có liên quan theo đúng quy định của pháp luật.

3. Cung cấp đá xây dựng cho Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam để thi công gói thầu XL01 - Dự án thành phần đoạn Vũng Áng - Bùng thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 -2025, đoạn đi qua địa phận tỉnh Quảng Bình theo đúng văn bản cam kết.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, là bộ phận không tách rời của Giấy phép khai thác khoáng sản số 404/GP-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2015 của UBND tỉnh Quảng Bình.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công Thương; Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch UBND huyện Tuyên Hóa, Chủ tịch UBND xã Tiến Hóa; Giám đốc Công ty cổ phần Thành Công TSC và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Khoáng sản Việt Nam;
- Công an tỉnh;
- Ban Quản lý Dự án 6;
- Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CVKT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Đoàn Ngọc Lâm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản
số 404/GP-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2015 của UBND tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị quyết số 60/NQ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về việc áp dụng cơ chế đặc thù trong cấp phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường cung cấp cho Dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2017 - 2020 (đã khởi công và sắp khởi công);

Căn cứ Nghị quyết số 133/NQ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 60/NQ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2021 về áp dụng cơ chế đặc thù trong cấp phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường cung cấp cho Dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2017 - 2020 (đã khởi công và sắp khởi công);

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11 tháng 02 năm 2022 của Chính phủ triển khai Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT - BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số 404/GP-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2015 của UBND tỉnh cho phép Công ty cổ phần Tasco Thành Công khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại Lèn Thanh Thủy, xã Tiến Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 79/GP-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình về việc điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản số 404/GP-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2015;

Xét Đơn và hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản của Công ty cổ phần Thành Công TSC ngày 07 tháng 11 năm 2023 nộp tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1056/TTr-STNMT ngày 08 tháng 12 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản số 404/GP-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2015 của UBND tỉnh cấp cho Công ty cổ phần Thành Công TSC (tên trước đây là Công ty cổ phần Tasco Thành Công) khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại Lèn Thanh Thủy, xã Tiến Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình với nội dung cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh công suất khai thác:

- Nội dung đã cấp phép: Công suất khai thác: 80.000 m³/năm đối với năm khai thác đầu tiên; 10.000 m³/năm đối với các năm khai thác còn lại.

- Nội dung điều chỉnh lại như sau: Công suất khai thác từ năm 2023 đến năm 2025: 15.000 m³/năm; từ năm 2026 đến ngày 11 tháng 8 năm 2034 là: 10.000m³/năm.

2. Điều chỉnh thời gian khai thác:

- Thời hạn khai thác đã được phê duyệt: 21 năm kể từ ngày ký giấy phép.

- Thời hạn khai thác điều chỉnh lại như sau: Đến ngày 11 tháng 8 năm 2034.

*. Lý do điều chỉnh: Điều chỉnh nâng công suất khai thác để cung cấp đá làm vật liệu xây dựng thông thường cho Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam phục vụ thi công gói thầu XL01 - Dự án thành phần đoạn Vũng Áng - Bùng, thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 -2025, đoạn đi qua địa phận tỉnh Quảng Bình theo cơ chế đặc thù quy định tại Nghị quyết số 60/NQ-CP ngày 16 tháng 06 năm 2021, Nghị quyết số 133/NQ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2021 và Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11 tháng 02 năm 2022 của Chính phủ.

Điều 2. Đơn vị sử dụng khoáng sản là Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam để thi công gói thầu XL01 - Dự án thành phần đoạn Vũng Áng - Bùng thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025, đoạn đi qua địa phận tỉnh Quảng Bình.

Điều 3. Công ty cổ phần Thành Công TSC có trách nhiệm:

1. Nộp các khoản thuế, phí, lệ phí có liên quan theo quy định hiện hành của pháp luật.

2. Tiếp tục khai thác khoáng sản, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế, phí, lệ phí có liên quan theo đúng quy định của pháp luật.

3. Cung cấp đá xây dựng cho Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam để thi công gói thầu XL01 - Dự án thành phần đoạn Vũng Áng - Bùng thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 -2025, đoạn đi qua địa phận tỉnh Quảng Bình theo đúng văn bản cam kết.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, là bộ phận không tách rời của Giấy phép khai thác khoáng sản số 404/GP-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2015 của UBND tỉnh Quảng Bình.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công Thương; Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch UBND huyện Tuyên Hóa, Chủ tịch UBND xã Tiến Hóa; Giám đốc Công ty cổ phần Thành Công TSC và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. ↘

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Khoáng sản Việt Nam;
- Công an tỉnh;
- Ban Quản lý Dự án 6;
- Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CVKT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Đoàn Ngọc Lâm

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 65... Quyển số: 01 SCT/BS

Ngày: 19 tháng 01 năm 2024.

Chủ tịch UBND xã Tiến Hóa



[Handwritten signature]

Phan Thị Hải Yến





TN & MT

**CÔNG TY TNHH MTV KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: Tầng 4, Số 236 - Võ Nguyên Hiến - TP. Vinh - Nghệ An
Điện thoại: 0932.492.499 Email: phongphanthich236@gmail.com VILAS 499 VIMCERTS 004

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: K961 - BH115623

- 1. Tên khách hàng: Công ty Cổ phần Thành Công TSC
- 2. Địa chỉ: Huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình
- 3. Vị trí đo, lấy mẫu: Do phòng hiện trường cung cấp
- 4. Ngày nhận mẫu: 05/6/2023
- 5. Ngày phân tích: 05/6/2023÷ 12/6/2023
- 6. Loại mẫu: Khí + Ôn Số lượng mẫu: 03
- 7. Ký hiệu mẫu: K₁, K₂, K₃

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả			QCVN 05
				K ₁	K ₂	K ₃	
1.	Bụi TSP	µg/m ³	TCVN 5067:1995	120,5	143,6	155,7	300
2.	Tiếng ồn*	dBA	TCVN 7878-2:2018	62,7	66,9	68,5	70 ^(A)
3.	Độ rung	dB	TCVN 6963:2001	42,8	46,3	47,4	70 ^(B)

Ghi chú: Dự án khai thác đá với làm vật liệu xây dựng thông thường tại Lèn Thanh Thủy, xã Tiến Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình:

+ K₁: Tại phía Tây mỏ đá, cách khu dân cư khoảng 200m.

Tọa độ: E = 106°14'23,74"; N = 17°47'27,08"

+ K₂: Tại khu vực khai thác đá. Tọa độ: E = 106°14'30,53"; N = 17°47'30,92"

+ K₃: Tại khu vực bãi chế biến, nghiền sàng đá.

Tọa độ: E = 106°14'37,78"; N = 17°47'29,42"

QCVN 05:2013/BTNMT. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh (Trung bình 1h)

^(A): QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - Mức ồn cho phép với khu vực thông thường từ 6-21h (70dBA).

^(B): QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung

QA/QC LC

ThS: Nguyễn Thị Trang

Trưởng PTN

ThS: Trần Thị Thu Hằng



Chi tiết:	
Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu tại thời điểm đo - phân tích	- (*) kết quả đo tại hiện trường do phòng quan trắc hiện trường cung cấp.
Đang tin khách hàng được ghi theo yêu cầu mà khách hàng cung cấp.	
Được trích sao một phần kết quả này nếu không được đồng ý của Công ty TNHH MTV Kỹ Thuật Tài nguyên và môi trường.	
5 ngày và kết quả, nếu khách hàng không có phản hồi PTN sẽ hủy mẫu theo quy định, không giải quyết việc khiếu nại kết quả TN sau này.	



HATICO VIỆT NAM

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269**

*Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân,
TP. Hà Nội*

Đ/c PTN: Số 2 đường Đức Diển, phường Phúc Diển, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

Tel: 0936.175.507

Email: haticovietnam2016@gmail.com

Ký hiệu : 2256-14/06/2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Đơn vị gửi mẫu : Công ty TNHH TN và MT Minh Hoàng
 Địa chỉ : 86/60 Vũ Trọng Phụng, thành phố Đồng Hới, Quảng Bình
 Địa điểm lấy mẫu : Khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại Lèn Thanh Thủy, xã Tiến Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình.
 Vị trí lấy mẫu : + NM: Nước mặt Sông Gianh cách mỏ đá khoảng 200m về phía Nam.
 Tọa độ: X: 17°47'09,7"N; Y: 106°14'59,1"E.
 Mã hóa mẫu : 05062023-043
 Tên mẫu/ Loại mẫu : Nước mặt Số lượng mẫu: 01
 Tình trạng mẫu : Bảo quản lạnh
 Ngày nhận mẫu : 05/06/2023 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 14/06/2023

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm	QCVN 08-MT:2015/BTNMT
				NM	B ₁
1.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,12	5,5-9
2.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	TCVN 6625:2000	24	50
3.	Oxy hòa tan (DO)	mg/l	TCVN 7325:2004	5,02	≥4
4.	COD	mg/l	SMEWW 5220 C:2017	25	30
5.	BOD ₅ (20°C)	mg/l	TCVN 6001-1:2008	10,5	15
6.	Nitrat (tính theo N)	mg/l	TCVN 6180:1996	0,72	10
7.	Amoni (tính theo N)	mg/l	SMEWW 4500 NH ₃ , B&F:2017	0,22	0,9

Ghi chú: Mẫu do khách hàng gửi đến, tên mẫu và thông tin mẫu do khách hàng cung cấp

Quy chuẩn so sánh: QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

Cột B₁ - Dùng cho mục đích tưới tiêu, thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng nước tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B₂.

Hà Nội, ngày 14 tháng 06 năm 2023

CÁN BỘ QA/QC

Hoàng Thị Kim Anh

TP. THỬ NGHIỆM

ThS. Nguyễn Văn Hòa



1. (-) Không quy định
 2. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
 3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
 4. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 5. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.
 6. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.



MINH HOANG
ENVIRONMENTAL COMPANY

CÔNG TY TNHH TÀI NGUYÊN & MÔI TRƯỜNG MINH HOÀNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM - VIMCERTS 263
MINH HOANG RESOURCE AND ENVIRONMENT COMPANY LIMITED
LABORATORY - VIMCERTS 263

Địa chỉ (Add): 86/60 Vũ Trọng Phụng, Tp Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

SĐT (Tel): 0917.722.332

Email: tmt.minhhoang@gmail.com

Số: 2023/KQTN-D1114-K181

Ban hành lần: 01

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Customer : Công ty Cổ phần Thành Công TSC
2. Địa điểm/ Address : Khai thác đá với làm vật liệu xây dựng thông thường tại Lèn Thanh Thủy, xã Tiến Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình
3. Tên mẫu/ Name of sample : Không Khí
4. Mã mẫu/ Sample code : KK518/14112023
5. Số lượng/ Quantity : 03
6. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 14/11/2023
7. Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 21/11/2023

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Test method	Kết quả thử nghiệm/ Result			QCVN 05: 2023/BTNMT
				K1	K2	K3	
1	Bụi (TSP)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,122	0,158	0,162	0,3
2	Độ ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	62,4	67,2	68,1	70 ⁽¹⁾
3	Độ rung	dB	TCVN 6963:2001	40,7	47,5	48,3	70 ⁽²⁾

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu/Sampling location:

+ K1: Phía tây mỏ đá, cách khu dân cư khoảng 200m. Tọa độ: E = 106°14'52,8"; N = 17°47'22,1"

+ K2: Tại khu vực khai thác đá. Tọa độ: E = 106°14'30,53"; N = 17°47'30,92"

+ K3: Tại khu vực bãi chế biến, nghiền sàng đá. Tọa độ: E = 106°14'37,78"; N = 17°47'29,42"

- Quy chuẩn so sánh/Comparative standards:

+ QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí (trung bình 1 giờ).

+ ⁽¹⁾ QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

+ ⁽²⁾ QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

Quảng Bình, ngày 21 tháng 11 năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Head of Laboratory

Trương Văn Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



Trần Thị Ngọc Bé

- (-) Không quy định

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

- Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

- Các chỉ tiêu đánh dấu (*) chưa được công nhận Vincerts và được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

- Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm

Số: 552/KQTN/2021

Ban hành lần: 01

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Customer : Công ty Cổ phần Tasco Thành Công
2. Địa điểm/ Address : Khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại Lèn Thanh Thủy, xã Tiên Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình.
3. Mã mẫu/ Sample code : KK289/22122021
4. Tên mẫu/ Name of sample : Không Khí
5. Số lượng/ Quantity : 04
6. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 22/12/2021
7. Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 03/01/2022

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Test method	Kết quả thử nghiệm/ Result				QCVN 05: 2013/BTNMT
				K1	K2	K3	K4	
1	Hàm lượng Bụi	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,112	0,159	0,133	0,121	0,3
2	CO ^(*)	mg/m ³	QTPT/KK/CO/07	3,22	3,31	3,42	3,18	30
3	SO ₂ ^(*)	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,070	0,079	0,076	0,078	0,35
4	NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137: 2009	0,049	0,069	0,064	0,056	0,2
5	Độ ồn	dBA	TCVN 7878-2:2010	62,8	67,5	64,1	61,7	70 ⁽¹⁾
6	Độ rung ^(*)	dB	TCVN 6963:2001	18,2	51,8	30,6	16,8	75 ⁽²⁾

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu/Sampling location:

+ K1: Phía tây mỏ đá, cách khu dân cư khoảng 200m. (Tọa độ: N: 17047'22.1"; E: 106014'52,8");

+ K2: Khu vực bãi chế biến, nghiền sàng đá. (Tọa độ: N: 17047'25.8"; E: 106014'44,8");

+ K3: Trên tuyến đường vận chuyển vào khu mỏ. (Tọa độ: N: 17047'24.7"; E: 106014'44,6");

+ K4: Đường dân sinh, cách khu mỏ khoảng 100m về phía Bắc. (Tọa độ: N: 17047'20.3"; E: 106015'01,7").

- Quy chuẩn so sánh/Comparative standards:


+ QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh (trung bình 1 giờ).

+ ⁽¹⁾ QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

+ ⁽²⁾ QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

Quảng Bình, ngày 03 tháng 01 năm 2022

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Head of Laboratory 



Trương Văn Dũng

GIÁM ĐỐC

Director



Trần Thị Ngọc Bé

- (*) Không quy định

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

- Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

- Các chỉ tiêu đánh dấu (*) chưa được công nhận Vimecerts và được thực

hiện bởi nhà thầu phụ.

- Không tự ý sao lưu kết quả kết chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm



MINH HOANG
ENVIRONMENTAL COMPANY

CÔNG TY TNHH TÀI NGUYÊN & MÔI TRƯỜNG MINH HOÀNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM - VIMCERTS 263
MINH HOANG RESOURCE AND ENVIRONMENT COMPANY LIMITED
LABORATORY - VIMCERTS 263

Địa chỉ (Add): 86/60 Vũ Trọng Phụng, Tp Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình
SĐT (Tel): 0917.722.332

Email: tnmt.minhhoang@gmail.com

Số: 553/KQTN/2021

Ban hành lần: 01

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Customer : Công ty Cổ phần Tasco Thành Công
2. Địa điểm/ Address : Khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại Lèn Thanh Thủy, xã Tiên Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình.
3. Mã mẫu/ Sample code : NM289/22122021
4. Tên mẫu/ Name of sample : Nước mặt
5. Số lượng/ Quantity : 01
6. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 22/12/2021
7. Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 03/01/2022

STT / No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Test method	Kết quả thử nghiệm/ Result	QCVN 08-MT :2015/BTNMT Cột B ₁
				NM	
1	pH	-	TCVN 6492:2011	6,89	5,5-9
2	DO	mg/l	TCVN 7325:2016	5,60	≥4
3	COD	mg/l	SMEWW 5220C:2017	10,80	30
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	TCVN 6001-1:2008	5,52	15
5	Chất rắn lơ lửng ^(*)	mg/l	TCVN 6625:2000	28	50
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	TCVN 6179-1:1996	0,21	0,9
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	TVCN 6180:1996	0,51	10
8	Nitrit (tính theo N)	mg/l	TCVN 6178:1996	<0,021	0,05
9	Chi (Pb) ^(*)	mg/l	SMEWW 3113B:2017	0,006	0,05
10	Clorua (Cl)	mg/l	TCVN 6194:1996	99,30	350
11	Kẽm (Zn) ^(*)	mg/l	SMEWW 3113B:2017	0,07	1,5
12	Asen (As) ^(*)	mg/l	SMEWW 3113B:2017	0,008	0,05
13	Sắt (Fe)	mg/l	TCVN 6177:1996	<0,6	1,5

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu/Sampling location:

+NM: Nước mặt Sông Gianh cách mỏ đá khoảng 200m về phía Nam. (tọa độ N: 17047'09,7"; E: 106014'59,1")

- Quy chuẩn so sánh/Comparative standards:

+ QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

Cột B₁: Dùng cho mục đích tưới tiêu, thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng nước tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B₂.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
Head of Laboratory

Trương Văn Dũng

Quảng Bình, ngày 03 tháng 01 năm 2022



Trần Thị Ngọc Bé

- (*) Không quy định
- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
- Các chỉ tiêu đánh dấu (*) chưa được công nhận VIMcerts và được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
- Không tự ý sao lưu kết quả thí chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm.

Số: 552/KQTN/2021

Ban hành lần: 01

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

- | | | |
|-------------------------------------|---|--|
| 1. Tên khách hàng/ Customer | : | Công ty Cổ phần Tasco Thành Công |
| 2. Địa điểm/ Address | : | Khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại Lèn Thanh Thủy, xã Tiến Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình. |
| 3. Mã mẫu/ Sample code | : | KK289/22122021 |
| 4. Tên mẫu/ Name of sample | : | Không Khí |
| 5. Số lượng/ Quantity | : | 04 |
| 6. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving | : | 22/12/2021 |
| 7. Ngày hẹn trả KH/ Date of issue | : | 03/01/2022 |

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Test method	Kết quả thử nghiệm/ Result				QCVN 05: 2013/BTNMT
				K1	K2	K3	K4	
1	Hàm lượng Bụi	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,112	0,159	0,133	0,121	0,3
2	CO ^(*)	mg/m ³	QTPT/KK/CO/07	3,22	3,31	3,42	3,18	30
3	SO ₂ ^(*)	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,070	0,079	0,076	0,078	0,35
4	NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137: 2009	0,049	0,069	0,064	0,056	0,2
5	Độ ồn	dBA	TCVN 7878-2:2010	62,8	67,5	64,1	61,7	70 ⁽¹⁾
6	Độ rung ^(*)	dB	TCVN 6963:2001	18,2	51,8	30,6	16,8	75 ⁽²⁾

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu/Sampling location:

+ K1: Phía tây mỏ đá, cách khu dân cư khoảng 200m. (Tọa độ: N: 17047'22.1"; E: 106014'52,8");

+ K2: Khu vực bãi chế biến, nghiền sàng đá. (Tọa độ: N: 17047'25.8"; E: 106014'44,8");

+ K3: Trên tuyến đường vận chuyển vào khu mỏ. (Tọa độ: N: 17047'24.7"; E: 106014'44,6");

+ K4: Đường dân sinh, cách khu mỏ khoảng 100m về phía Bắc. (Tọa độ: N: 17047'20.3"; E: 106015'01,7").

- Quy chuẩn so sánh/Comparative standards:

+ QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh (trung bình 1 giờ).

+⁽¹⁾ QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

+⁽²⁾ QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

Quảng Bình, ngày 03 tháng 01 năm 2022

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
Head of Laboratory



Trương Văn Dũng

GIÁM ĐỐC
Director



Trần Thị Ngọc Bé

- (*) Không quy định

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

- Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

- Các chỉ tiêu đánh dấu (*) chưa được công nhận VIMCERTS và được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

- Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm.

Số: 553/KQTN/2021

Ban hành lần: 01

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Customer : Công ty Cổ phần Tasco Thành Công
2. Địa điểm/ Address : Khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại Lèn Thanh Thủy, xã Tiến Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình.
3. Mã mẫu/ Sample code : NM289/22122021
4. Tên mẫu/ Name of sample : Nước mặt
5. Số lượng/ Quantity : 01
6. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 22/12/2021
7. Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 03/01/2022

STT / No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị / Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Test method	Kết quả thử nghiệm/ Result	QCVN 08-MT :2015/BTNMT Cột B ₁
				NM	
1	pH	-	TCVN 6492:2011	6,89	5,5-9
2	DO	mg/l	TCVN 7325:2016	5,60	≥4
3	COD	mg/l	SMEWW 5220C:2017	10,80	30
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	TCVN 6001-1:2008	5,52	15
5	Chất rắn lơ lửng ^(*)	mg/l	TCVN 6625:2000	28	50
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	TCVN 6179-1:1996	0,21	0,9
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	TCVN 6180:1996	0,51	10
8	Nitrit (tính theo N)	mg/l	TCVN 6178:1996	<0,021	0,05
9	Chì (Pb) ^(*)	mg/l	SMEWW 3113B:2017	0,006	0,05
10	Clorua (Cl ⁻)	mg/l	TCVN 6194:1996	99,30	350
11	Kẽm (Zn) ^(*)	mg/l	SMEWW 3113B:2017	0,07	1,5
12	Asen (As) ^(*)	mg/l	SMEWW 3113B:2017	0,008	0,05
13	Sắt (Fe)	mg/l	TCVN 6177:1996	<0,6	1,5

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu/Sampling location:
+NM: Nước mặt Sông Gianh cách mỏ đá khoảng 200m về phía Nam. (tọa độ N: 17047'09,7", E: 106014'59,1")
- Quy chuẩn so sánh/Comparative standards:
+ QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.
Cột B₁: Dùng cho mục đích tưới tiêu, thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng nước tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B₂.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
Head of Laboratory



Trương Văn Dũng

Quảng Bình, ngày 03 tháng 01 năm 2022



Trần Thị Ngọc Bé

- (-) Không quy định
- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
- Các chỉ tiêu đánh dấu (*) chưa được công nhận VIMCERTS và được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
- Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm.

TỈNH/THÀNH PHỐ
TỈNH Quảng Ngãi

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 23/2024/1-2-3-4-5-6.025.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty cổ phần Cơ – Điện – Môi trường Lilama Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.025.VX
Địa chỉ văn phòng: Khu dịch vụ công cộng, Khu kinh tế Dung Quất, Bình Đông, Bình Sơn, Quảng Ngãi ĐT: 0255 3908001
Địa chỉ cơ sở: Khu liên hiệp xử lý chất thải EME Dung Quất, Bình Nguyên, Bình Sơn, Quảng Ngãi ĐT: 0255 3908001

2. Chủ CS DV XL CTNH 2: Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng: ĐT:
Địa chỉ cơ sở: ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CTY CP THÀNH CÔNG TSC Mã số QLCTNH: TSC
Địa chỉ văn phòng: LK-03.5 Khu nhà ở Hateco 5, ngõ 56, đường Phương Canh, P Xuân Phương, Q Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT: 02437739962
Địa chỉ cơ sở: mỏ đá vôi tại Lèn Thanh Thủy- Tiên Hóa- Tuyên Hóa- Quảng Bình ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý*
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Giẻ lau nhiễm TPNH	X			18 02 01	15	PT
	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		X		17 02 03		
3	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử	X			16 01 13		
4	Pin thải	X			16 01 12		
5	Ắc quy thải	X			16 01 12		
6	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	X			16 01 06	2	Phân tích
7	Hộp mực in thải có các TPH	X			08 02 04	1	PT

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cò lập/dóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).


5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:
Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 76 603743

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Hồng Hà Ký: Ngày: 5/1/2024

Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Quảng Bình, ngày 5 tháng 1 năm 2024

Nguyễn Hồng Hà
Quảng Bình
(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ xử lý CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Quảng Ngãi, ngày 02 tháng 01 năm 2024

Huỳnh Vĩnh Phúc
GIÁM ĐỐC KLH
(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

* Liên số: 1□-2□-3□-4□
Ghi chú:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG

(Hoàn thành việc vận chuyển và xử lý CTNH)

Hôm nay, ngày 12 tháng 3 năm 2024, tại văn phòng Công ty cổ phần Cơ – Điện – Môi trường Lilama, chúng tôi gồm có:

1. Đại diện Bên A: CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH CÔNG TSC

+ Ông (bà): Nguyễn Hồng Hà ; Chức vụ: P.GĐ VP Quang Bình

+ Ông (bà): ; Chức vụ:

2. Đại diện Bên B: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ – ĐIỆN – MÔI TRƯỜNG LILAMA

+ Ông : Lê Anh Việt ; Chức vụ: Phó Giám đốc Sản xuất

3. Nội dung:

- Căn cứ hợp đồng kinh tế số 1212/2023/HĐKT/SEEQB ngày 12 tháng 12 năm 2023.
- Căn cứ các biên bản giao nhận chất thải trong tháng 01 năm 2024.

Hai bên thống nhất ký xác nhận khối lượng mà Bên B đã hoàn thành vận chuyển và xử lý CTNH cho Bên A theo bảng kê sau:

STT	Loại chất thải	Mã Chất Thải	Đ/vj tính	Khối lượng	LCT	Ghi chú
1	Giẻ lau nhiễm TPNH	18 02 01	kg	15	23/2024	BBGN 05/01/2024
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	kg	2		
3	Hộp mực in thải có các TPNH	08 02 04	kg	1		
TỔNG CỘNG			Kg	18		

Biên bản được lập thành 04 bản, bên A giữ 02 bản, bên B giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A



Nguyễn Hồng Hà



Lê Anh Việt

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: ~~22~~2023/HĐKT/SEEQB

(V/v: Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại)

- Căn cứ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;
- Căn cứ vào Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005;
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ vào nhu cầu và năng lực của hai bên.

Hôm nay, ngày 12 tháng 12 năm 2023, chúng tôi gồm có:

I. BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH CÔNG TSC

Địa chỉ: LK- 03.5, Khu nhà ở Hateco 5, Ngõ 56 đường Phương Canh, Phường Xuân Phương, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 024.37739962

Mã số thuế: 0106259517

Tài khoản số: 12510001579502 – Ngân hàng BIDV chi nhánh Đông Đô

Người Đại diện: (Ông) NGUYỄN ĐỨC SƠN - Chức vụ: Giám đốc

II. BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ – ĐIỆN – MÔI TRƯỜNG LILAMA

Địa chỉ: Khu dịch vụ công cộng - khu kinh tế Dung Quất, xã Bình Đông, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Điện thoại: 0243.208.0001

Mã số thuế: 4300357921

Tài khoản số: 5731 00000 66488

Tại: Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Dung Quất

Người Đại diện (Ông) Huỳnh Vĩnh Phúc, Chức vụ: Giám đốc KLH

Sau khi bàn bạc, thoả thuận, hai bên cùng thống nhất ký kết hợp đồng kinh tế với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

1.1. Nội dung hợp đồng

Bên A giao và Bên B đồng ý nhận thực hiện dịch vụ:

- Vận chuyển và xử lý các chất thải nguy hại (CTNH) mà Bên A là chủ nguồn thải.

- Địa điểm giao nhận: Mỏ đá vôi tại Lèn Thanh Thủy, xã Tiến Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình

1.2. Thời gian thực hiện

- Bên B có trách nhiệm thu gom, vận chuyển cho bên A theo tần suất tối thiểu **01 lần/năm**.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Bên B sẽ thông báo lịch thu gom cho Bên A xác nhận nếu phù hợp thì tiến hành giao nhận CTNH cần vận chuyển xử lý. Thời gian thông báo: trước 03 ngày để Bên A chuẩn bị công tác bàn giao.

ĐIỀU 2: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

2.1. Trách nhiệm của Bên A

- Tổ chức thu gom, phân loại, đóng gói, dán tem nhãn, lưu giữ tạm thời và quản lý các CTNH theo qui định của nhà nước về trách nhiệm của chủ nguồn thải tại cơ sở phát sinh CTNH. Khối lượng các dụng cụ lưu chứa tối đa là 200 kg/một dụng cụ.
- Chịu trách nhiệm cân, đo khối lượng chất thải khi bàn giao cho Bên B.
- Hỗ trợ xe nâng (nếu cần thiết), phối hợp với Bên B bốc xếp các chất thải đã được đóng gói và lưu trữ tạm thời đưa lên xe vận chuyển CTNH của Bên B.
- Phối hợp với Bên B trong quá trình giao nhận CTNH để công việc tiến hành một cách an toàn và nhanh chóng.
- Cử người đại diện để cùng Bên B thực hiện việc giao nhận chất thải và xác nhận khối lượng vào biên bản giao nhận CTNH.
- Thanh toán đầy đủ giá trị dịch vụ cho Bên B theo đơn giá quy định của hợp đồng.

2.2. Trách nhiệm của Bên B

- Chịu trách nhiệm bố trí nhân lực, phương tiện đảm bảo yêu cầu của pháp luật và an toàn để tiếp nhận chất thải tại các điểm tập kết CTNH của Bên A theo đúng thời gian mà hai bên thỏa thuận.
- Chịu trách nhiệm xử lý và tiêu hủy các CTNH theo đúng quy định của pháp luật.
- Chịu trách nhiệm bốc xếp các chất thải đã được đóng gói và lưu trữ tạm thời đưa lên xe vận chuyển CTNH của Bên B.
- Cử đại diện để cùng Bên A phối hợp thực hiện việc giao nhận CTNH, xác nhận khối lượng vào biên bản giao nhận chất thải nguy hại và Chứng từ CTNH đảm bảo việc thu gom thực hiện an toàn, nhanh chóng và đúng yêu cầu của bên A.
- Bên B có quyền từ chối hoặc tạm ngừng tiếp nhận chất thải khi Bên A không có người bàn giao và xác nhận khối lượng hoặc không phân loại, đóng gói và lưu trữ chất thải theo đúng quy định về "Quản lý chất thải nguy hại".
- Tuân thủ quy định và nội quy của Bên A.
- Tư vấn các vấn đề về pháp lý, kỹ thuật trong việc phân loại, lưu giữ chất thải nguy hại đúng theo qui định của nhà nước.
- Chịu trách nhiệm pháp lý trước các cơ quan chính quyền theo quy định của Luật bảo vệ môi trường.

ĐIỀU 3: KHỐI LƯỢNG CHẤT THẢI – ĐƠN GIÁ – GIÁ TRỊ THANH TOÁN

3.1. Danh mục chất thải dự kiến

- Khối lượng chất thải để đưa vào xác định giá trị thanh toán là khối lượng chất thải của mỗi đợt giao nhận có xác nhận của đại diện hai bên thông qua "Biên bản giao nhận chất thải nguy hại".

STT	Danh Mục Chất Thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	
2	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	08 02 04	Rắn	
3	Giẻ lau nhiễm TPNH	18 02 01	Rắn	
4	Pin, ắc quy thải	16 01 12	Rắn	
5	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử	16 01 13	Rắn	
6	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp	17 02 03	Lỏng	

3.2. Đơn giá thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH

Đơn giá thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH

Nội dung	Bảng giá tính cho một chuyến vận chuyển và xử lý (VND)
Đến 100kg	10.000.000
Mỗi kg tiếp theo	8.000

Lưu ý: Đơn giá trên chưa có thuế GTGT (VAT)

3.3. Giá trị hợp đồng:

- Trường hợp khối lượng chất thải của bên A tại thời điểm thu gom nhỏ hơn hoặc bằng 100kg thì bên A sẽ phải thanh toán cho bên B mức phí là 10.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười triệu đồng chẵn).
- Trường hợp khối lượng chất thải của bên A tại thời điểm thu gom vượt quá 100kg thì giá trị thanh toán được tính bằng 10.000.000 đồng (cho 100 kg đầu tiên) cộng với giá trị xử lý của phần khối lượng chất thải vượt trên 100kg. Đơn giá xử lý của phần khối lượng vượt trên 100kg là 8.000 đồng/kg.

ĐIỀU 4: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- Đợt 1: Bên A tạm ứng cho Bên B số tiền là: 6.000.000 VND (Bằng chữ: Sáu triệu đồng chẵn) trong thời hạn 07 ngày sau khi ký hợp đồng (Số tiền tạm ứng này sẽ không được hoàn trả nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng bên A không giao chất thải)
- Đợt 2: Bên A thanh toán cho bên B số tiền còn lại theo giá trị hợp đồng được nghiệm thu trong thời hạn 07 ngày sau khi hoàn thành công việc thu gom chất thải.
- Hồ sơ thanh toán hợp lệ bao gồm:
 1. Các biên bản giao nhận chất thải
 2. Công văn đề nghị thanh toán của Bên B.
 3. Bảng nghiệm thu khối lượng và giá trị cho từng đợt có xác nhận của đại diện có thẩm quyền hai bên.
 4. Hoá đơn GTGT theo qui định của Bộ Tài Chính.
 5. Các chứng từ chất thải nguy hại.

ĐIỀU 5: BẤT KHẢ KHÁNG

5.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính bất thường và nằm ngoài tầm kiểm soát của hai bên như thiên tai và các biến động của xã hội như chiến tranh, nổi loạn, khủng bố; làm cản trở việc thực hiện hợp đồng của một trong hai bên.

5.2. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng làm một bên không thực hiện được các nghĩa vụ theo hợp đồng thì bên bị ảnh hưởng phải thông báo ngay cho bên kia trong vòng 03 ngày và được miễn thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng trong thời gian mà tình trạng bất khả kháng cản trở việc thực hiện của hợp đồng.

ĐIỀU 6: HIỆU LỰC VÀ THANH LÝ HỢP ĐỒNG

6.1. Hợp đồng có hiệu lực 03 (ba) năm kể từ ngày ký.

6.2. Hợp đồng được tự động thanh lý sau khi hết hiệu lực và các bên hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng.

ĐIỀU 7: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

7.1. Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ký, nếu có gì khó khăn hoặc phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng hai bên sẽ thỏa thuận giải quyết và được thể hiện bằng phụ lục hợp đồng.

7.2. Bên nào vi phạm các điều khoản trong hợp đồng này thì bên đó phải hoàn toàn chịu trách nhiệm và bồi thường thiệt hại do vi phạm của mình gây ra theo pháp luật hiện hành của Việt Nam. Nếu tranh chấp hợp đồng xảy ra mà hai bên không tự giải quyết được thì hai bên sẽ trình lên Tòa án Nhân dân tỉnh Quảng Bình giải quyết, và phán quyết của Tòa án là cơ sở cuối cùng buộc hai bên phải thi hành.

7.3. Hợp đồng được thành lập làm 04 (bốn) bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 (hai) bản.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Sơn



Nguyễn Văn Phúc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Số:/BBGN/LILAMAEME/2024

Căn cứ vào hợp đồng kinh tế 1212/2023/HĐKT/SEEQB ngày 12 tháng 12 năm 2023.

1. Đại diện Bên giao: CTY CP THÀNH CÔNG TSC

1/Ông (bà): *Nguyễn... Hoàng... T. T. A*.....; Chức vụ: *PGĐ... Vphòng... Quảng... Bình*

2/Ông (bà):; Chức vụ:

2. Đại diện Bên nhận: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ - ĐIỆN - MÔI TRƯỜNG LILAMA

1/Ông (bà): *C. Hữu... Hữu... T. T. A*.....; Chức vụ: *MTX*.....

2/Ông (bà):; Chức vụ:

Thời gian giao nhận: ... giờ ... phút, ngày 5 tháng 1 năm 2024

Địa điểm giao nhận: Mỏ đá vôi tại Lèn Thanh Thủy, xã Tiến Hóa, Tuyên Hóa, Quảng Bình

STT	Biển kiểm soát	Tên chuẩn loại	Mã chất thải	Đvt	Khối lượng	Ghi chú
1	<i>76C09743</i>	Giẻ lau nhiễm TPNH	18 02 01	Kg	<i>15</i>	
2		Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Kg		
3		Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử	16 01 13	Kg		
4		Pin thải	16 01 12	Kg		
5		Ắc quy thải	16 01 12	Kg		
6		Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Kg	<i>2</i>	
7		Hộp mực in thải có các TPH	08 02 04	Kg	<i>1</i>	

Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản và có giá trị pháp lý như nhau để làm cơ sở thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO

(Ký và ghi rõ họ tên)

1/.....
[Signature]

2/ *Nguyễn... Hoàng... T. T. A*

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN

(Ký và ghi rõ họ tên)

1/.....
[Signature]

2/ *C. Hữu... Hữu... T. T. A*

TỈNH/THÀNH PHỐ
TỈNH Quảng Ngãi

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 23/2024/1-2-3-4-5-6.025.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty cổ phần Cơ – Điện – Môi trường Lilama Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.025.VX
Địa chỉ văn phòng: Khu dịch vụ công cộng, Khu kinh tế Dung Quất, Bình Đông, Bình Sơn, Quảng Ngãi ĐT: 0255 3908001
Địa chỉ cơ sở: Khu liên hiệp xử lý chất thải EME Dung Quất, Bình Nguyên, Bình Sơn, Quảng Ngãi ĐT: 0255 3908001

2. Chủ CS DV XL CTNH 2: Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng: ĐT:
Địa chỉ cơ sở: ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CTY CP THÀNH CÔNG TSC Mã số QLCTNH: TSC
Địa chỉ văn phòng: LK-03.5 Khu nhà ở Hateco 5, ngõ 56, đường Phương Canh, P Xuân Phương, Q Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT: 02437739962
Địa chỉ cơ sở: mỏ đá vôi tại Lèn Thanh Thủy- Tiến Hóa- Tuyên Hóa- Quảng Bình ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý*
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Giẻ lau nhiễm TPNH	X			18 02 01	15	
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		X		17 02 03		
3	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử	X			16 01 13		
4	Pin thải	X			16 01 12		
5	Ắc quy thải	X			16 01 12		
6	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	X			16 01 06	2	
7	Hộp mực in thải có các TPH	X			08 02 04	1	

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:
Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 76

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Châu Hải Hòa Ký: [Signature] Ngày: 5/1/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) Quảng Bình, ngày


Nguyễn Hồng Hòa
(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ xử lý CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Quảng Ngãi, ngày tháng năm

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

* Liên số: 1□-2□-3□-4□

Ghi chú:

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp số 701/GP-SCT ngày 25/4/2023 của Sở Công Thương Quảng Bình

GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 20/6/2017;

Căn cứ Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 17/2022/QĐ-UBND ngày 22/4/2022 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Sở Công Thương Quảng Bình; Quyết định số 40/2023/QĐ-UBND ngày 29/11/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Sở Công Thương tỉnh Quảng Bình ban hành kèm theo Quyết định số 17/2022/QĐ-UBND ngày 22/4/2022 của UBND tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 3788/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản số 404/GP-UBND ngày 11/02/2015 của UBND tỉnh Quảng Bình cấp cho Công ty Cổ phần Thành Công TSC (tên trước đây là Công ty Cổ phần Tasco Thành Công);

Căn cứ Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp số 701/GP-SCT ngày 25/4/2023 của Sở Công Thương Quảng Bình cấp cho Công ty Cổ phần Thành Công TSC;

Xét đề nghị của Tổng Giám Công ty Cổ phần Thành Công TSC tại Giấy đề nghị ngày 24/01/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kỹ thuật - Năng lượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh lượng thuốc nổ được phép sử dụng trong 01 năm quy định tại khoản 2, Điều 2, Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp số 701/GP-SCT ngày 25/04/2023 của Sở Công Thương Quảng Bình cấp cho Công ty Cổ phần Thành Công TSC như sau:

- Nội dung đã cấp phép: Lượng thuốc nổ được phép sử dụng trong 01 năm: Tối đa không quá: 5.900 kg.

- Nội dung điều chỉnh lại: Lượng thuốc nổ được phép sử dụng từ năm 2024 đến năm 2025: Tối đa không quá: 8.950 kg/năm; từ năm 2026 đến hết ngày 25/4/2028: Tối đa không quá 5.900 kg/năm.

* Lý do điều chỉnh: Điều chỉnh tăng lượng thuốc nổ để phù hợp với việc nâng công suất khai thác theo Quyết định số 3788/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản số 404/GP-UBND ngày 11/02/2015 của UBND tỉnh Quảng Bình cấp cho Công ty Cổ phần Thành Công TSC (tên trước đây là Công ty Cổ phần Tasco Thành Công).

- Ngoài nội dung điều chỉnh, các nội dung còn lại được quy định tại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp số 701/GP-SCT ngày 25/4/2023 của Sở Công Thương Quảng Bình vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, là bộ phận không tách rời của Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp số 701/GP-SCT ngày 25/4/2023 của Sở Công Thương Quảng Bình.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Thanh tra Sở, Trưởng phòng các phòng thuộc Sở; Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thành Công TSC và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Phòng PC06, PC07 -CA tỉnh;
- Sở LĐ TBXH;
- Công an huyện Tuyên Hóa;
- UBND xã Tiên Hóa;
- Lưu: VT, KTNL.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Việt Hà